

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức**

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Điều 2. Người nộp phí

1. Người đủ điều kiện nộp hồ sơ thi tuyển khi nộp hồ sơ thi tuyển thì phải nộp phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư này.

2. Công chức, viên chức khi nộp hồ sơ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì phải nộp phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí

1. Cơ quan, đơn vị tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức là tổ chức thu phí tuyển dụng.

2. Cơ quan, đơn vị tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là tổ chức thu phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Điều 4. Mức thu phí

Mức thu phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức như sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Tuyển dụng		
	- Dưới 100 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	500.000
	- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	400.000
	- Từ 500 thí sinh trở lên	Đồng/thí sinh/lần	300.000
II	Dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức		
1	Nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I		
	- Dưới 50 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	1.400.000
	- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	1.300.000
	- Từ 100 thí sinh trở lên	Đồng/thí sinh/lần	1.200.000
2	Nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III		
	- Dưới 100 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	700.000
	- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	600.000
	- Từ 500 trở lên	Đồng/thí sinh/lần	500.000
III	Phúc khảo thi tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức	Đồng/bài thi	150.000

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp được để lại 100% số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ thì được trích lại 100% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Số tiền phí trích lại được chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc và thu phí bao gồm cả các nội dung chi như sau:

a) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về chỉ tiêu và điều kiện dự tuyển dụng.

b) Kiểm tra hồ sơ, nhập dữ liệu, gửi thông báo đến các đối tượng tham gia dự tuyển dụng.

c) Biên soạn tài liệu thi, thuê hội trường, thuê giáo viên để tập huấn cho thí sinh, khai mạc kỳ thi; chi đi lại, ăn ở của giáo viên và thành viên của Hội đồng.

d) In, mua biên lai thu phí.

đ) Thuê phòng thi, tổ chức kỳ thi.

e) Chi xét duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tuyển dụng; họp Hội đồng thi, xây dựng đề thi và đáp án, coi thi, chấm thi, phúc tra bài thi.

g) Mua vật tư, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, mẫu biểu.

h) Các công việc khác phục vụ trực tiếp cho công tác tuyển dụng công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư liên tịch số 163/2010/TTLT-BTC-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi tuyển và phí dự thi nâng ngạch công chức, viên chức.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).



Vũ Thị Mai